

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG Institute for Tropical Technology and Environmental Protection	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.38455140 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65 EMD: 028.38455140
QT.22.0779	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022

1. Nơi yêu cầu: Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (KĐNB) (Đơn hàng số : 22.0779)
2. Địa điểm lấy mẫu: Trạm PPK Bà Rịa - Phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
3. Loại mẫu: Nước thải, Trầm tích, Khí thải, Đất, Thủy sinh .
4. Số lượng mẫu: 6.
5. Ngày nhận mẫu: 01/11/2022.
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo.

QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Nhạn

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QT & PTMT



Thái Tiến Dũng

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KHTH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**Ngày xuất kết quả/
Issued Date 29/11/2022**A. KÝ HIỆU MẪU:**

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	KTbr1	Khí thải máy phát điện (dự phòng) trạm PPK Bà Rịa	QT.221101.015
2.	KTbr2	Khí thải burnpit trạm phân phối khí Bà Rịa	QT.221101.016
3.	NTbr	Nước thải trạm PPK Bà Rịa, tại vị trí cống thoát nước	QT.221101.017
4.	Dbr	Đất trong trạm GDS Bà Rịa (lấy gần Burnpit)	QT.221101.018
5.	TTbr	Mẫu trầm tích tại rạch phía sau trạm GDS Bà Rịa	QT.221101.019
6.	Sbr	Mẫu trầm tích tại rạch phía sau trạm GDS Bà Rịa	QT.221101.020

B. KẾT QUẢ:**I. ĐẤT**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.018
1.	Tổng Crom (Cr)	mg/kg	US EPA Method 3051A; SMEWW 3125B:2017	10,87
2.	Đồng (Cu)			1,14
3.	Kẽm (Zn)			84,5
4.	Cadimi (Cd)			KPH (LOD=0,03)
5.	Thủy ngân (Hg)			0,817
6.	Chì (Pb)			29,77
7.	Tổng sắt (Fe) ⁽¹⁾			3.139
8.	Bari (Ba) ⁽¹⁾			85,77
9.	Vanadi (V) ⁽¹⁾			2,36
10.	PAHs	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3620C + 3660C + 8270D)	KPH
11.	Thuốc BTVT họ Clo hữu cơ	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3630C + 8270D)	KPH
	α -BHC			KPH (LOD=0,0007)
	β -BHC			KPH (LOD=0,0006)
	γ -BHC			KPH (LOD=0,0007)
	δ -BHC			KPH (LOD=0,0072)
	Aldrin			KPH (LOD=0,0034)
	Dieldrin			KPH (LOD=0,0005)
	Endrin			KPH (LOD=0,0076)
	Endrin aldehyt			KPH (LOD=0,0016)
	Heptachlor			KPH (LOD=0,0005)
	Heptachlor epoxide			KPH (LOD=0,0008)
	Endosulfan			KPH (LOD=0,0008)
	Endosulfan sulfate			KPH (LOD=0,0004)
	Methoxychlor			KPH (LOD=0,0036)
	DDD			KPH (LOD=0,0004)
	DDE			KPH (LOD=0,0007)
	DDT			KPH (LOD=0,0029)

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.018
12.	Tổng Hidrocarbon - THC ⁽¹⁾	mg/kg	US EPA Method (3610B + 5021A + 8270D)	KPH
13.	Tổng N ⁽²⁾	mg/kg	TCVN 6498:1999	249
14.	TOC ⁽²⁾	mg/kg	TCVN 8941:2011	2.485

II. KHÍ THẢI

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	
				QT.221101.015	QT.221101.016
1.	Nhiệt độ	°C	CTM 30 & 34	125	237
2.	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.010	520
3.	CO	mg/Nm ³	HD-KT-01	170	568
4.	NO _x	mg/Nm ³	HD-KT-01	108	11
5.	SO ₂	mg/Nm ³	HD-KT-01	0	3
6.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	5,6	KPH (LOD=3,8)
7.	Tiếng ồn Laeq ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,5	62,4
8.	Hydrocarbon (CxHy) ⁽³⁾	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	34,4	30,0

III. NƯỚC THẢI

T T	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.017
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,1
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7
3.	DO ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 7325:2016	3,67
4.	BOD ₅	mgO ₂ /L	SMEWW 5210D:2017	11
5.	COD	mgO ₂ /L	SMEWW 5220C:2017	25
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	ISO 11923:1997	9
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6624-2:2000	KPH (LOD=2)
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,07)
9.	Tổng Crom (Cr)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,001)
10.	Tổng sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,061
11.	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,001
12.	Niken (Ni)			0,001
13.	Kẽm (Zn)			0,1077
14.	Cadimi (Cd)			KPH (LOD=0,0016)
15.	Thủy ngân (Hg)			KPH (LOD=0,0004)
16.	Chì (Pb)			KPH (LOD=0,001)
17.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2017	2,32
18.	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2.400

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**Ngày xuất kết quả/
Issued Date 29/11/2022**IV. TRẦM TÍCH**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.019
1.	Tổng Crom (Cr)	mg/kg	US EPA Method 3015A + SMEWW 3125B:2017	11,07
2.	Đồng (Cu)			3,77
3.	Kẽm (Zn)			8,99
4.	Cadimi (Cd)			0,113
5.	Bari (Ba)			4,13
6.	Tổng sắt (Fe) ⁽¹⁾			10.859
7.	Thủy ngân (Hg)			0,465
8.	Chì (Pb)			6,75
9.	Vanadi ⁽¹⁾			12,39
10.	Tổng PAHs	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3620C + 3660C + 8270D)	KPH
	Acenaphthene			KPH (LOD=0,031)
	Acenaphthylene			KPH (LOD=0,016)
	Anthracene			KPH (LOD=0,021)
	Benzo [a] pyrene			KPH (LOD=0,017)
	Benzo [b] fluoranthene			KPH (LOD=0,017)
	Benzo [g,h,i] perylene			KPH (LOD=0,020)
	Benzo [k] fluoranthene			KPH (LOD=0,027)
	Benzo[a] anthracene			KPH (LOD=0,019)
	Carbazole			KPH (LOD=0,008)
	Chrysene			KPH (LOD=0,029)
	Dibenzo[a,h]anthracene			KPH (LOD=0,025)
	Fluoranthene			KPH (LOD=0,014)
	Fluorene			KPH (LOD=0,025)
	Indeno [1,2,3-cd] pyrene			KPH (LOD=0,021)
	Naphthalene			KPH (LOD=0,016)
	Phenanthrene			KPH (LOD=0,035)
	Pyrene			KPH (LOD=0,018)
11.	Tổng Hydrocacbon	mg/kg	US EPA Method (3610B+5021A+8270D)	KPH
12.	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ⁽¹⁾	%	TCVN 8941:2011	2,92
13.	Tổng N ⁽¹⁾	mg/kg	TCVN 6498 : 1999 ; ISO 11261 : 1995	1.236

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

V. THỦY SINH ⁽⁴⁾***Động vật đáy:**

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
	Ngành MOLLUSCA	
	Lớp Gastropoda	
	Bộ Caenogastropoda	
	Họ Thiariidae	
1	<i>Tarebia granifera</i> (Lamarck, 1816)	1
	Ngành ANNELIDA	
	Lớp Polychaeta	
	Bộ Sabellida	
	Họ Sabellidae	
2	<i>Chone</i> sp.	1
	Số loài	2
	Mật độ cá thể (con/mẫu)	2
	Mật độ cá thể (con/m ²)	20

***Động vật nổi**

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
	Ngành ROTIFERA	
	Lớp Monogononta	
	Bộ Ploima	
	Họ Brachionidae	
1	<i>Brachionus quadridentatus</i> Hermann, 1783	500
	Ngành ARTHROPODA	
	Lớp Branchiopoda	
	Bộ Cladocera	
	Họ Chydoridae	
2	<i>Chydorus sphaericus</i> (O.F. Müller, 1776)	500
	Lớp Copepoda	
	Bộ Cyclopoida	
	Họ Cyclopidae	
3	<i>Microcyclops varicans</i> (Sars G.O., 1863)	1,000
4	<i>Tropocyclops prasinus</i> (Fischer, 1860)	2,500
	Lớp Ostracoda	
	Bộ Podocopa	

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**Ngày xuất kết quả/
Issued Date 29/11/2022

Họ Cypridae		
5	<i>Hemicypris anomala</i> (Klie, 1938)	500
LARVA		
6	<i>Copepoda nauplius</i>	2,000
7	<i>Gastropoda larva</i>	1,000
Tổng số loài		7
Tổng (cá thể/m ³)		8,000

***Thực vật nổi:**

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
Ngành CYANOPHYTA		
Lớp Cyanophyceae		
Bộ Chroococcales		
Họ Microcystaceae		
1	<i>Microcystis aeruginosa</i> (Kützinger) Kützinger, 1846	4
Ngành BACILLARIOPHYTA		
Lớp Bacillariophyceae		
Bộ Naviculales		
Họ Pleurosigmales		
2	<i>Pleurosigma angulatum</i> (Quekett) W.Smith, 1852	11
Bộ Bacillariales		
Họ Bacillariaceae		
3	<i>Nitzschia sigmoidea</i> (Nitzsch) W.Smith, 1853	17
4	<i>Nitzschia acicularis</i> (Kützinger) W.Smith, 1853	5
Bộ Eunotiales		
Họ Eunotiaceae		
5	<i>Eunotia rabenhorstiana</i> (Grunow) Hustedt, 1949	67
6	<i>Eunotia</i> sp.	88
Bộ Licmophorales		
Họ Ulnariaceae		
7	<i>Ulnaria ulna</i> (Nitzsch) Compère, 2001	3
Bộ Surirellales		
Họ Surirellaceae		
8	<i>Campylodiscus daemelianus</i> Grunow, 1874	1
Lớp Coscinodiscophyceae		
Bộ Coscinodisciales		
Họ Coscinodiscaceae		

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0779	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

9	<i>Coscinodiscus radiatus</i> Ehrenberg, 1841	2
	Tổng số loài	8
	Tổng mật độ (tế bào/lít)	194

Ghi chú:

- (1): Thông số chưa được chứng nhận VIMCERTS , thực hiện theo yêu cầu khách hàng.;
- (2): Thông số được phân tích bởi TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG; VIMCERTS 026;
- (3): Thông số được phân tích bởi Công ty CP DV MT Hải Âu; VIMCERTS 117;
- (4): Thông số được phân tích bởi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng; VIMCERTS 179
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

PTN/Số: HA.22.05506.1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **VIỆN NHIỆT ĐỐT MÔI TRƯỜNG**

57A Trương Quốc Dung, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TPHCM

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Mô tả mẫu
HA.22.05506.1	QT.221101.015- KTbr1: Khí thải máy phát điện	Ống hấp phụ
HA.22.05506.2	QT.221101.016- KTbr2: Khí thải burnpit	
HA.22.05506.3	QT.221101.021- KTpm1: Khí thải heater	
HA.22.05506.4	QT.221101.022- KTpm2: Khí thải burnpit	

3. Ngày nhận mẫu: 04/11/2022

Thời gian thử nghiệm: 04/11/2022 - 08/11/2022

4. Ngày trả kết quả: 08/11/2022

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	THC (C _x H _y) ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			
			HA.22.05506.1	HA.22.05506.2	HA.22.05506.3	HA.22.05506.4
1.	THC (C _x H _y) ^(*)	mg/Nm ³	34,4	30,0	14,9	18,1

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Thế tích khí do khách hàng cung cấp

KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 780-11/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : VIỆN NHIỆT ĐỐI MÔI TRƯỜNG

2/ Địa chỉ : 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

3/ Thời gian gửi mẫu: 04/11/2022

4/ Loại mẫu : Đất

Ký hiệu mẫu : QT.221101.018: Đbr

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo	Phương pháp phân tích
1	Tổng N*	mg/kg	249	67	TCVN 6498:1999
2	Carbon hữu cơ*	mg/kg	2.485	0,031	TCVN 8941 : 2011

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Quách Văn Duy

ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1966/22.11.048	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 23/11/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước mặt – QT.221101.020
- Khách hàng/Client : VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
- Địa chỉ/Address : Số 57A Trương Quốc Dung, phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 07/11/2022
- Thời gian lưu mẫu/Holding : 05 ngày, kể từ ngày trả kết quả.
- Thông số/Specification : Động vật đáy⁽¹⁾
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : SMEWW 10500B:2017
- Phương pháp phân tích/Test Method : SMEWW 10500C:2017
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
		22.11.048
	Ngành MOLLUSCA	
	Lớp Gastropoda	
	Bộ Caenogastropoda	
	Họ Thiariidae	
1	<i>Tarebia granifera</i> (Lamarck, 1816)	1
	Ngành ANNELIDA	
	Lớp Polychaeta	
	Bộ Sabellida	
	Họ Sabellidae	
2	<i>Chone</i> sp.	1
	Số loài	2
	Mật độ cá thể (con/mẫu)	2
	Mật độ cá thể (con/m ²)	20

Ghi chú:

- (1) Chi tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Thị Hồng Thắm

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thảo Vy



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

**VIMCERTS
179**



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1972/22.11.048	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 23/11/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước mặt – QT.221101.020
- Khách hàng/Client : **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG**
- Địa chỉ/Address : Số 57A Trương Quốc Dung, phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 07/11/2022
- Thời gian lưu mẫu/Holding : 05 ngày, kể từ ngày trả kết quả.
- Thông số/Specification : Động vật nổi⁽¹⁾
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : SMEWW 10200B:2017
- Phương pháp phân tích/Test Method : SMEWW 10200G:2017
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
		22.11.048
	Ngành ROTIFERA	
	Lớp Monogononta	
	Bộ Ploima	
	Họ Brachionidae	
1	<i>Brachionus quadridentatus</i> Hermann, 1783	500
	Ngành ARTHROPODA	
	Lớp Branchiopoda	
	Bộ Cladocera	
	Họ Chydoridae	
2	<i>Chydorus sphaericus</i> (O.F. Müller, 1776)	500
	Lớp Copepoda	
	Bộ Cyclopoida	
	Họ Cyclopidae	
3	<i>Microcyclops varicans</i> (Sars G.O., 1863)	1.000
4	<i>Tropocyclops prasinus</i> (Fischer, 1860)	2.500
	Lớp Ostracoda	
	Bộ Podocopida	
	Họ Cypridae	
5	<i>Hemicypris anomala</i> (Klie, 1938)	500



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1972/22.11.048	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 23/11/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
		22.11.048
	LARVA	
6	Copepoda nauplius	2.000
7	Gastropoda larva	1.000
Tổng số loài		7
Tổng (cá thể/m ³)		8.000

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Thị Hồng Thắm

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thảo Vy



**TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG**
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1969/22.11.048	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 23/11/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

- Tên mẫu/Sample : Nước mặt – QT.221101.020
- Khách hàng/Client : **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG**
- Địa chỉ/Address : Số 57A Trương Quốc Dung, phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 07/11/2022
- Thời gian lưu mẫu/Holding : 05 ngày, kể từ ngày trả kết quả.
- Thông số/Specification : Thực vật nổi⁽¹⁾
- Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : SMEWW 10200B:2017
- Phương pháp phân tích/Test Method : SMEWW 10200F:2017
- Kết quả thử nghiệm/Test result :

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
		22.11.048
	Ngành CYANOPHYTA	
	Lớp Cyanophyceae	
	Bộ Chroococcales	
	Họ Microcystaceae	
1	<i>Microcystis aeruginosa</i> (Kützinger) Kützinger, 1846	4
	Ngành BACILLARIOPHYTA	
	Lớp Bacillariophyceae	
	Bộ Naviculales	
	Họ Pleurosigmales	
2	<i>Pleurosigma angulatum</i> (Queckett) W.Smith, 1852	11
	Bộ Bacillariales	
	Họ Bacillariaceae	
3	<i>Nitzschia sigmoidea</i> (Nitzsch) W.Smith, 1853	17
4	<i>Nitzschia acicularis</i> (Kützinger) W.Smith, 1853	5
	Bộ Eunotiales	
	Họ Eunotiaceae	
5	<i>Eunotia rabenhorstiana</i> (Grunow) Hustedt, 1949	67
6	<i>Eunotia</i> sp.	88
	Bộ Licmophorales	
	Họ Ulnariaceae	
7	<i>Ulnaria ulna</i> (Nitzsch) Compère, 2001	3
	Bộ Surirellales	
	Họ Surirellaceae	



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1969/22.11.048	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 23/11/2022
--------------------------------	---	--------------------------------

Stt	Tên khoa học	Tên mẫu
		QT.221101.020
		22.11.048
8	<i>Campylodiscus daemelianus</i> Grunow, 1874	1
	Lớp Coscinodiscophyceae	
	Bộ Coscinodiscales	
	Họ Coscinodiscaceae	
9	<i>Coscinodiscus radiatus</i> Ehrenberg, 1841	2
	Tổng số loài	9
	Tổng mật độ (tế bào/lít)	194

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 127/2014/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM


Nguyễn Thị Hồng Thắm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

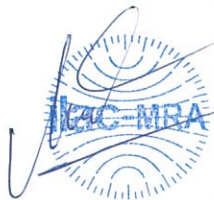



Huỳnh Thảo Vy

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG Institute for Tropical Technology and Environmental Protection	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.38455140 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65 EMD: 028.38455140
QT.22.0780	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022

1. Nơi yêu cầu: Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ (KĐN) (Đơn hàng số : 22.0780)
2. Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm PPK Phú Mỹ - KCN Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
3. Loại mẫu: Không khí xung quanh, Nước thải, Khí thải, Đất.
4. Số lượng mẫu: 7.
5. Ngày nhận mẫu: 01/11/2022.
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo.

QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG



Nguyễn Thị Nhận

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QT & PTMT



Thái Tiên Dũng

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KHTH



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0780	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	KTpm1	Khí thải máy Heater Trung tâm PPK Phú Mỹ	QT.221101.021
2.	KTpm2	Khí thải Burnpit Trung tâm PPK Phú Mỹ	QT.221101.022
3.	NTpm	Nước thải sinh hoạt, lấy tại cống thải cuối cùng trước khi đầu nối về khu công nghiệp Phú Mỹ	QT.221101.023
4.	KKpm1	Không khí khu vực văn phòng hành chính mới SCADA	QT.221101.024
5.	KKpm2	Không khí khu vực trạm GDC Phú Mỹ	QT.221101.025
6.	KKpm3	Không khí khu vực trạm GDS Phú Mỹ	QT.221101.026
7.	Đpm	Đất trong trạm GDS Phú Mỹ (lấy gần Burnpit)	QT.221101.027

B. KẾT QUẢ:**I. ĐẤT**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm QT.221101.027
1.	Tổng Crom (Cr)	mg/kg	US EPA Method 3051A; SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=3,744)
2.	Đồng (Cu)			0,342
3.	Kẽm (Zn)			2,82
4.	Bari (Ba)			22,48
5.	Tổng sắt (Fe)			512
6.	Vanadi (V)			3,42
7.	Cadimi (Cd)			0,044
8.	Thủy ngân (Hg)			1,59
9.	Chì (Pb)			2,98
10.	Tổng Hidrocarbon - THC	mg/kg	US EPA method (3610B + 5021A + 8270D)	KPH
11.	PAHs	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3620C + 3660C + 8270D)	KPH
12.	Thuốc BVTV họ Clo hữu cơ	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3630C + 8270D)	KPH
	α -BHC			KPH (LOD=0,0007)
	β -BHC			KPH (LOD=0,0006)
	γ -BHC			KPH (LOD=0,0007)
	δ -BHC			KPH (LOD=0,0072)
	Aldrin			KPH (LOD=0,034)

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0780	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.027
	Dieldrin	mg/kg	US EPA Method (3540C + 3630C + 8270D)	KPH (LOD=0,0005)
	Endrin			KPH (LOD=0,0076)
	Endrin aldehyt			KPH (LOD=0,0016)
	Heptachlor			KPH (LOD=0,0005)
	Heptachlor epoxide			KPH (LOD=0,0008)
	Endosulfan			KPH (LOD=0,0008)
	Endosulfan sulfate			KPH (LOD=0,0004)
	Methoxychlor			KPH (LOD=0,0036)
	DDD			KPH (LOD=0,0004)
	DDE			KPH (LOD=0,0007)
	DDT			KPH (LOD=0,0029)
13.	TOC ⁽¹⁾	mg/kg	TCVN 8941:2011	1.988
14.	Tổng N ⁽¹⁾	mg/kg	TCVN 6498:1999	227

II. KHÍ THẢI

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	
				QT.221101.021	QT.221101.022
1.	Nhiệt độ	°C	CTM 30 & 34	38	151
2.	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	640	830
3.	CO	mg/Nm ³	HD-KT-01	0	442
4.	NO _x	mg/Nm ³	HD-KT-01	0	1
5.	SO ₂	mg/Nm ³	HD-KT-01	0	3
6.	CO ₂	%V	HD-KT-01	0,1	0,1
7.	Tiếng ồn _{Laeq}	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,5	66,8
8.	Hydrocacbon (CxHy) ⁽²⁾	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	14,9	18,1

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0780	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

III. KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm		
				QT.221101.024	QT.221101.025	QT.221101.026
1.	Tiếng ồn L_{Aeq}	dBA	TCVN 7878-2:2010	58,3	58,2	57,2
2.	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	64	81	77
3.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	63	68	61
4.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	57	57	55
5.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	HDCV 01 CO	3.666	4.081	3.982
6.	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 401	KPH (LOD=10)	12	11
7.	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	MASA Method 701	KPH (LOD=5)	7	8
8.	CO ₂	mg/m^3	HDCV-02-CO2 (TQKT&YHLD 2015)	659	539	606
9.	Hydrocacbons (C _x H _y) ⁽¹⁾	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	NIOSH Method 1500	KPH (LOD=30)	KPH (LOD=30)	KPH (LOD=30)

IV. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm
				QT.221101.023
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	28,8
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0
3.	DO ⁽³⁾	mg/L	TCVN 7325:2016	2,38
4.	BOD ₅	mgO_2/L	SMEWW 5210D:2017	12
5.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	27
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	ISO 11923:1997	52
7.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6624-2:2000	42,6
8.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,04
9.	Tổng Crom (Cr)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,001)
10.	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,0098
11.	Tổng sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,046)
12.	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,0021
13.	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,2163
14.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,0016)
15.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,0004)
16.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,001)
17.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2017	2,4
18.	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2.400

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0780	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 29/11/2022
------------	---	--

Ghi chú:

- (1): Thông số được phân tích bởi TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG; VIMCERTS 026;
- (2): Thông số được phân tích bởi Công ty CP DV MT Hải Âu; VIMCERTS 117;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NDMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

PTN/Số: HA.22.05506.1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **VIỆN NHIỆT ĐỔI MÔI TRƯỜNG**

57A Trương Quốc Dung, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TPHCM

2. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Mô tả mẫu
HA.22.05506.1	QT.221101.015- KTbr1: Khí thải máy phát điện	Ổng hấp phụ
HA.22.05506.2	QT.221101.016- KTbr2: Khí thải burnpit	
HA.22.05506.3	QT.221101.021- KTpm1: Khí thải heater	
HA.22.05506.4	QT.221101.022- KTpm2: Khí thải burnpit	

3. Ngày nhận mẫu: 04/11/2022

Thời gian thử nghiệm: 04/11/2022 - 08/11/2022

4. Ngày trả kết quả: 08/11/2022

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	THC (C _x H _y) ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,05 mg/Nm ³

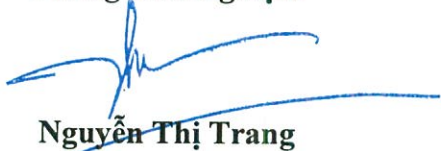
6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			
			HA.22.05506.1	HA.22.05506.2	HA.22.05506.3	HA.22.05506.4
1.	THC (C _x H _y) ^(*)	mg/Nm ³	34,4	30,0	14,9	18,1

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Thế tích khí do khách hàng cung cấp

KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm
Nguyễn Thị Trang**P. Giám đốc**
Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Số : 780-11/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG

2/ Địa chỉ : 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

3/ Thời gian gửi mẫu: 04/11/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Hydrocarbons (CxHy)*	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	C _x H _y (mg/m ³)
QT.221101.024: KK pm1	KPH

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy



KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 780-11/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG

2/ Địa chỉ : 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

3/ Thời gian gửi mẫu: 04/11/2022

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Hydrocarbons (CxHy)*	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	CxHy (mg/m ³)
QT.221101.025: KK pm2	KPH

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG



Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 780-11/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Địa điểm lấy mẫu : VIỆN NHIỆT ĐỐI MÔI TRƯỜNG
2/ Địa chỉ : 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
3/ Thời gian gửi mẫu: 04/11/2022
4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí
5/ Phương pháp phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Hydrocarbons (CxHy)*	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	CxHy (mg/m ³)
QT.221101.026: KK pm3	KPH

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

THS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 780-11/22-3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG

2/ Địa chỉ : 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

3/ Thời gian gửi mẫu: 04/11/2022

4/ Loại mẫu : Đất

Ký hiệu mẫu : QT.221101.027: Đpm

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo	Phương pháp phân tích
1	Tổng N*	mg/kg	227	67	TCVN 6498:1999
2	Carbon hữu cơ*	mg/kg	1.988	0,031	TCVN 8941 : 2011

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC


ThS. Thái Sanh Bảo Huy